

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Bê.

2. Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐXX-ST ngày 14/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2022/QĐ-ST ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trương Văn X, sinh năm: 1991. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hồ, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

*** Bị đơn:** Chị Phan Thị M, sinh năm: 1995. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Hồ, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của chị Phan Thị M ở Việt Nam là Thôn Hồ, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 23/10/2022
Nguyên đơn là anh Trương Văn X trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Ngày 21/5/2015 anh và chị Phan Thị M đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2019 thì chị M đi nước ngoài lao động để phát triển kinh tế gia đình, anh ở nhà chăm lo cho hai con. Lúc mới sang nước ngoài chị M có liên lạc về cho gia đình, sau đó ít dần và không liên lạc, không gửi tiền về chăm lo cho gia đình và con cái. Ở nhà một mình anh gánh vác, hiện nay vợ chồng mất liên lạc với nhau và tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau nữa, bỏ bê con cái cho anh. Từ cuối năm 2020 đầu năm 2021 đến nay không còn liên lạc về cho gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị M

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Gia Hưng, sinh ngày 28/4/2016 và cháu Trương Gia Thuận, sinh ngày 24/8/2018. Hiện nay, hai con chung đang ở với anh. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi 02 con chung. Về cấp dưỡng anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra, anh X còn trình bày: Hiện nay chị M vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh không liên lạc được với chị M, chị M vẫn liên lạc về cho bố để chị M là ông Phan Văn Súc, sinh năm 1970, trú tại: Thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh B, nhưng ông Súc cũng không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị M được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị M.

Bị đơn chị Phan Thị M không có bản tự khai.

Ngày 28/10/2022 và ngày 10/11/2022 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành

làm việc với bố đẻ của chị Phan Thị M là ông Phan Văn Sứ, sinh năm 1970, trú tại: Thôn Ngọc Mai, xã Chu Điện, huyện Lục Nam, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Sứ thông báo cho chị M biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trương Văn X và chị Phan Thị M; yêu cầu chị M viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Sứ cung cấp địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Sứ vẫn giữ nguyên quan điểm là chị M ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị M, đồng thời ông cũng không đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị M biết để chị M gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị M gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Văn X vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Phan Thị M vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Trương Văn X; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị M là ông Phan Văn Sứ và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Trương Văn X có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị M không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị M; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị Phan Thị M là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 150; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn X.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trương Văn X được ly hôn chị Phan Thị M.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Trương Gia Hưng, sinh ngày 28/4/2016 và cháu Trương Gia Thuận, sinh ngày 24/8/2018 cho anh Trương Văn X là người trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị M không yêu cầu. Chị Phan Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Trương Văn X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Trương Văn X là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Trương Văn X.

Đối với bị đơn chị Phan Thị M vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị M là ông Phan Văn Sức để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Sức thông báo cho chị M biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Trương Văn X và chị Phan Thị M; Yêu cầu chị M viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Sức cung cấp địa chỉ cụ thể của chị M ở nước ngoài. Ông Phan Văn Sức trình bày: Chị M ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Sức vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị M cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị M biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Phan Thị M theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Trương Văn X là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Phan Thị M, chị M hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 23127/QLXNC-P5 ngày 02/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị M đã xuất cảnh ngày 01/10/2019 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị M ở Việt Nam là: Thôn

Hồ, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân:** Anh Trương Văn X và chị Phan Thị M kết hôn ngày 21/5/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Lâm huyện Lục Nam, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh X trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2019 thì chị M đi nước ngoài lao động để phát triển kinh tế gia đình, anh ở nhà chăm lo cho hai con. Lúc mới sang nước ngoài chị M có liên lạc về cho gia đình. Sau đó ít dần và không liên lạc, không gửi tiền về chăm lo cho gia đình và con cái, ở nhà một mình anh gánh vác, hiện nay vợ chồng mất liên lạc với nhau và tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau nữa, bỏ bê con cái cho anh. Từ cuối năm 2020 đầu năm 2021 đến nay không còn liên lạc về cho gia đình. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trương Văn X. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh X và chị M chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2019 thì chị M xuất khẩu lao động, thời gian đầu thì vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sau đó thì vợ chồng ít liên lạc dần và vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng độc lập về kinh tế và đã ly thân một thời gian dài. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh X và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn X. Xử cho anh Trương Văn X được ly hôn với chị Phan Thị M.

[4]. **Về con chung:** Anh Trương Văn X và chị Phan Thị M có 02 con chung là cháu Trương Gia Hưng, sinh ngày 28/4/2016 và cháu Trương Gia Thuận, sinh ngày 24/8/2018. Hiện nay các cháu đang ở với anh X, ly hôn anh X đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh X: Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị M đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung. Chị Phan Thị M từ khi đi nước ngoài thì Trương Gia Hưng và cháu Trương Gia Thuận vẫn do anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, được đi học đầy đủ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Văn X về nuôi con chung. Giao cho anh Trương Văn X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Gia Hưng, sinh ngày 28/4/2016 và cháu Trương Gia Thuận, sinh ngày 24/8/2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn chị Phan Thị M có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp chị Phan Thị M về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. **Về tài sản, công nợ:** Anh Trương Văn X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. **Về án phí:** Anh Trương Văn X phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Trương Văn X được ly hôn với chị Phan Thị M.

2.Về con chung: Giao cho anh Trương Văn X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trương Gia Hưng, sinh ngày 28/4/2016 và cháu Trương Gia Thuận, sinh ngày 24/8/2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Phan Thị M về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Trương Văn X phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000668 ngày 24/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Trương Văn X đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Trương Văn X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Phan Thị M hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TAND Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Minh Khánh Ngô Văn Bê

Trần Thị Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH B **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Tại trụ sở TAND tỉnh B.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Ngô Văn Bê

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”.

Giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn Trường; Sinh năm : 1993

ĐKKHKT: Thôn Núi, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

***Bị đơn :** Chị Triệu Thị Nghĩa, Sinh năm: 1993

ĐKKHKT: Thôn Núi, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của Chị Triệu Thị Nghĩa tại Việt Nam là Thôn Núi, xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 điều 153; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Phạm Văn Trường được ly hôn với chị Triệu Thị Nghĩa.

2.Về con chung: Giao cho anh Phạm Văn Trường là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Hoàng Minh Nhật, sinh

ngày 16/5/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Triệu Thị Nghĩa có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Nghĩa thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Triệu Thị Nghĩa về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

3.Về án phí: Anh Phạm Văn Trường phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000509 ngày 07/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Phạm Văn Trường đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Phạm Văn Trường vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Triệu Thị Nghĩa hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.